

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày 23-12-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị H - Kiểm sát V.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Huy C, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn L 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966. Nơi đăng ký HKTT: Thôn L 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 11 năm 2020 và bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn ông Bùi Huy C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông tự nguyện chung sống với bà Nguyễn Thị H từ tháng 9 năm 1992, có tổ chức hỏi, cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa hai ông bà xảy

ra từ năm 2015, do mất niềm tin trong tình cảm cũng như kinh tế, dẫn đến ông bà có lời lẽ xúc phạm nhau, có lần do thiếu tiền C ông có tát bà vài cái. Bà mang theo con nhỏ là cháu H1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ của bà tại thôn H, xã T, huyện K từ giữa năm 2015. Ông bà sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm không còn, ông xin ly hôn bà H.

Về con chung: Ông bà có 02 con là Bùi Huy V, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1994, đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết và Bùi Thị H1, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2003 đang do bà H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn ông để bà H nuôi cháu H1 đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông nhận cấp dưỡng nuôi con với bà H 2.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 01 năm 2021.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H khai: Bà tự nguyện chung sống với ông C từ năm 1992, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức hỏi, cưới theo phong tục. Nhưng đến ngày 01 tháng 5 năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng (đăng ký kết hôn do ông C đưa cho bà 01 bản, bà không cùng đi đăng ký kết hôn với ông tại UBND xã nên không có chữ ký, chữ viết họ và tên của ông bà trong đăng ký). Ông bà chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Tính ông C rất gia trưởng với vợ, con trong tất cả các công việc của gia đình và không chia sẻ khó khăn về kinh tế với bà dẫn đến việc ông có lời lẽ xúc phạm bà. Ông C nhiều lần đánh bà, nên bà phải mang theo con nhỏ là cháu H1 về ở cùng anh trai tại nhà bố mẹ đẻ bà tại thôn H, xã T, huyện K từ giữa năm 2015 đến nay. Ông bà sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông C xin ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 con là Bùi Huy V, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1994 đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết và Bùi Thị H1, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2003 đang do bà nuôi dưỡng. Nếu ly hôn bà nhận tiếp tục nuôi cháu H1 đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà đồng ý để ông C cấp dưỡng nuôi cháu H1 với số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 01 năm 2021.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Bùi Huy C và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị H1, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2003 cho bà H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1 với bà H 2.000.000 đồng/01tháng, tính từ tháng 01 năm 2021.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như thông tin do UBND xã T, UBND xã T, và Phòng Tư pháp huyện K cung cấp về việc kết hôn giữa ông Bùi Huy C và bà Nguyễn Thị H như sau: Ông C, bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông C xin ly hôn bà H, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định

"... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận ông C và bà H là vợ chồng như quan điểm của Kiểm sát V tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con là Bùi Huy V, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1994 đã thành niên, đủ khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết và Bùi Thị H1, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2003, đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông bà tự thỏa thuận và thống nhất để bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1 và quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, ông C tự nguyện nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với bà H số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng, tính từ tháng 01 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi, bà H đồng ý là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Bùi Huy C và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị H1, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2003 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với bà H số tiền 2.000.000^d (hai triệu đồng)/01 tháng, tính từ tháng 01 năm 2021 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H mà ông C chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông C phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009344 ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Ông C đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng còn phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng